EASY KIND KOREAN

Lv.0 · Ep.5

받침은 일곱 소리뿐

Chữ ở dưới: chỉ có bảy âm



Sau bài này bạn có thể

Đọc các khối có chữ ở dưới: 물 · 밥 · 김밥 · 한글

Một số khối chữ Hàn có thêm một chữ nữa. Chữ đó luôn nằm ở dưới cùng. Hôm nay là chữ nằm ở dưới. Và một bí mật: chỉ có bảy âm.

Tên _____ Ngày _____

Không cần bảng phiên âm

Chữ ở dưới sẽ chỉ bạn đến một trong bảy âm.

Khẩu hình trước, âm thanh sau

Vẫn quy tắc đó: phụ âm tạo khẩu hình, nguyên âm cho âm thanh thoát ra.

1. Thêm chữ ở dưới

Đọc khối chưa có chữ ở dưới. Thêm chữ ở dưới. Đọc lại.

무 + ㄹ = 물

바 + ㅂ = 밥

기 + ㅁ = 김

구 + ㄱ = 국

라 + ㅇ = 랑

하 + ㄴ = 한

그 + ㄹ = 글

오 + ㅅ = 옷

꼬 + ㅊ = 꽃

아 + ㅍ = 앞

2. Khẩu hình, âm thanh, khẩu hình, dừng.

Chữ ở dưới là một phụ âm bạn đã biết.

ㅂ → ㅏ → ㅂ

Chữ trên: tạo khẩu hình.

Nguyên âm: cho âm thanh thoát ra.

Chữ dưới: tạo khẩu hình lần nữa, rồi dừng.

3. Chỉ có bảy âm cuối

Chữ nào khác ở dưới cũng co lại thành một trong số đó.

ㄱ ㄴ ㄷ ㄹ ㅁ ㅂ ㅇ

ㅋ ㄲ ㅅ ㅆ ㅈ ㅊ ㅌ ㅎ ㅍ

국 한 옷 물 김 앞 랑

Mẹo hôm nay. Chỉ có bảy âm cuối.

Gặp chữ lạ ở dưới? Chọn âm gần nhất trong bảy âm, rồi đạp phanh.

4. Tập viết

Tô theo chữ màu xám, rồi tự viết. Vừa viết vừa đọc.

물	밥	김	국	랑	한	글	옷	꽃	앞

5. Từ hôm nay

Tiếng Hàn	nghĩa
무	củ cải
단무지	củ cải muối vàng
물	nước
밥	cơm, bữa ăn
국	canh
김밥	cơm cuộn rong biển
받침	chữ ở dưới
사랑	tình yêu
한글	bảng chữ cái tiếng Hàn
옷	quần áo
꽃	hoa
앞	phía trước
라면	mì ăn liền
순두부	canh đậu phụ non

6. Đọc trước, rồi xem đáp án

Khẩu hình, âm thanh, khẩu hình, dừng.

산	달	봄
집	강	밖
낮	옆	밤

Thử thật nhé

> Ở quán ăn Hàn Quốc, hãy đọc to thực đơn: 김밥 · 라면 · 순두부. Cần nước à? Nói 물 và dừng lại ở cuối. Không thấy ai mang ra? Nhìn xung quanh: có thể là nước tự phục vụ đấy.

Đáp án

산 "xan" — núi · **달** "đal" — mặt trăng · **봄** "bôm" — mùa xuân · **집** "chip" — nhà · **강** "gang" — sông · **밖** "bak" — bên ngoài · **낮** "nat" — ban ngày · **옆** "yơp" — bên cạnh · **밤** "bam" — ban đêm

Lần tới: chữ ở dưới sẽ di chuyển.